

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
Lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 34

1. Điểm khóa luận tốt nghiệp

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Triệu Thị Bình	8,25	Tám phẩy hai năm	7	Cao Thanh Kiều	8,00	Tám
2	Ngân Thế Duyệt	8,25	Tám phẩy hai năm	8	Lục Hồng Kỳ	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Nông Thị Thúy Hồng	8,25	Tám phẩy hai năm	9	Phạm Đại Nam	8,00	Tám
4	Đàm Thị Thu Huế	8,25	Tám phẩy hai năm	10	Nông Thị Hồng Ngọc	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Vũ Thu Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	11	Đào Ánh Nguyệt	8,50	Tám phẩy năm
6	Nông Thu Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	12	Đặng Thanh Thùy	8,00	Tám

2. Điểm thi tốt nghiệp

1	Nông Thị Vân Anh	7,50	Bảy phẩy năm	25	Nông Thùy Linh	7,83	Bảy phẩy tám ba
2	Hoàng Thị Hoài Anh	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	26	Nguyễn Thị Linh	7,92	Bảy phẩy chín hai
3	Hoàng Văn Biên	7,50	Bảy phẩy năm	27	Lương Quang Linh	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nông Văn Chấn	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	28	Nguyễn Thùy Mai	7,58	Bảy phẩy năm tám
5	Tô Quỳnh Châu	7,42	Bảy phẩy bốn hai	29	Lý Thị Ngọc Mai	8,00	Tám
6	Nguyễn Đình Chiến	7,25	Bảy phẩy hai năm	30	Linh Thị Ngà	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
7	Nông Văn Đạt	7,75	Bảy phẩy bảy năm	31	Nông Đình Nghĩa	7,58	Bảy phẩy năm tám
8	Trần Thùy Dương	7,92	Bảy phẩy chín hai	32	Bùi Thị Hồng Ngọc	7,92	Bảy phẩy chín hai
9	Ngân Bích Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	33	Vi Thị Nhung	7,58	Bảy phẩy năm tám
10	Lãnh Ngọc Hiên	7,33	Bảy phẩy ba ba	34	Hoàng Thị Hồng Nhung	7,92	Bảy phẩy chín hai
11	Lê Thị Hiên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	35	Vi Minh Quang	7,33	Bảy phẩy ba ba
12	Triệu Quang Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	36	Tô Thị Quyên	7,42	Bảy phẩy bốn hai
13	Nông Thị Hiệu	7,42	Bảy phẩy bốn hai	37	Đinh Văn Tập	7,33	Bảy phẩy ba ba
14	Nông Trịnh Hồ	7,83	Bảy phẩy tám ba	38	Nguyễn Hữu Thắng	7,42	Bảy phẩy bốn hai
15	Hà Mộng Hoa	7,42	Bảy phẩy bốn hai	39	Long Văn Thành	7,83	Bảy phẩy tám ba
16	Lương Văn Hợi	7,17	Bảy phẩy mười bảy	40	Nông Thị Minh Thu	7,58	Bảy phẩy năm tám

ĐHL

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
17	Đinh Thị Huyền	7,92	Bảy phẩy chín hai	41	Đàm Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
18	Đàm Thị Huyền	7,42	Bảy phẩy bốn hai	42	Lê Thanh Thủy	7,33	Bảy phẩy ba ba
19	Ma Thị Huyền	7,58	Bảy phẩy năm tám	43	Đàm Thanh Tình	7,92	Bảy phẩy chín hai
20	Phùng Thị Hồng Lan	8,25	Tám phẩy hai năm	44	Thang Thành Trung	7,83	Bảy phẩy tám ba
21	Thân Thị Lan	7,58	Bảy phẩy năm tám	45	Nguyễn Minh Tuấn	7,25	Bảy phẩy hai năm
22	Lâm Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	46	Phạm Minh Tuấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Nguyễn Thị Hoàng Lan	7,92	Bảy phẩy chín hai	47	Lưu Đức Tùng	7,83	Bảy phẩy tám ba
24	Hứa Văn Lập	7,50	Bảy phẩy năm	48	Trần Văn Việt	7,75	Bảy phẩy bảy năm

GHI ĐIỂM



Đoàn Thị Kim Liên

PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG



Trương Thị Phương

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Việt Hưng